

Bản án số: 73/2019/DS-PT

Ngày: 18/10/2019.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh;

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thu Hương;

Ông Quách Văn Thành.

-Thư ký phiên tòa: Ông Dương Xuân Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Cù Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2019/DSPT ngày 20 tháng 9 năm 2019 về việc tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2019/QĐPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A (Ngân hàng CSXH).

Địa chỉ: Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Văn Cộng - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH thị xã B, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: SN 52 Trần Phú, phường Ba Đình, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa.

Người được ủy quyền lại: Ông Trần Công Đạt - Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH thị xã B, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

2.Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Q, 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Xóm Sơn Nam, phường Đông Sơn, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Quang K, 1960 (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Quang K, 1960 (chồng).

Địa chỉ: Xóm Sơn Nam, phường Đông Sơn, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2019 và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng CSXH ủy quyền cho Ngân hàng CSXH thị xã B trình bày:

Hộ bà Nguyễn Thị Q (chồng là Vũ Quang K) có vay nợ tại Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH thị xã B theo chương trình hỗ trợ học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và cho vay sản xuất, cụ thể tại các hợp đồng tín dụng sau đây:

+Hợp đồng tín dụng ngày 12/5/2009, số tiền vay 23.800.000đ, khế ước nhận nợ số 600000270380121; mục đích: Chi phí học tập cho sinh viên Vũ Quốc C; lãi suất 0,5% tháng; thời hạn trả nợ: 16/11/2015. Hiện còn nợ 37.614.749đ (gốc 23.800.000đ; lãi: 13.814.749đ).

+Hợp đồng tín dụng ngày 12/5/2009, số tiền vay 26.400.000đ, khế ước nhận nợ số 600000270380120; mục đích: Chi phí học tập cho sinh viên Vũ Thị T; lãi suất 0,5% tháng; thời hạn trả nợ: 16/11/2015. Hiện còn nợ 40.066.268đ (gốc 24.600.000đ; lãi: 15.466.268đ).

+Hợp đồng tín dụng ngày 30/6/2009, số tiền vay 15.00.000đ, khế ước nhận nợ số 6000002700381842; mục đích: Chăn nuôi; lãi suất 0,65% tháng; thời hạn trả nợ: ; món vay được khoan nợ đến 16/10/2021. Hiện còn nợ 10.000.000đ gốc.

Toàn bộ các khoản vay đều không có bảo đảm bằng tài sản và đã quá hạn từ nhiều năm, Phòng giao dịch NHCSXH thị xã B đã nhiều lần phối hợp với Chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể đôn đốc, nhắc nhở nhưng gia đình bà Q cố tình không thực hiện.

Do vậy Ngân hàng CSXH ủy quyền cho Ngân hàng CSXH B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc hộ bà Q trả nợ tính đến ngày khởi kiện là 87.681.071đ (*Tám mươi bảy triệu sáu trăm tám một đồng không trăm mười bảy đồng*), trong đó gốc 58.400.000đ, lãi 29.281.071đ.

- Tại bản tự khai ngày 23/5/2019, bản tự khai ngày 12/7/2019 và quá trình giải quyết, ông Vũ Quang K là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Gia đình ông K, bà Q có vay số tiền 58.400.000đ cho con theo học Cao đẳng, nay con ông bà đã ra trường nhưng còn phải nuôi ông đau ốm và em đang học đại học nên chưa có tiền trả. Ông bà chỉ đồng ý trả tiền gốc còn số tiền lãi không đồng ý trả.

Tại bản án sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2019 của TAND thị xã B đã Quyết định:

Áp dụng: khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng CSXH .

Buộc bà Nguyễn Thị Q và ông Vũ Quang K phải trả cho Ngân hàng CSXH số nợ gốc 58.400.000đ và nợ lãi tính đến ngày 06/8/2019 là 31.018.645đ. Tổng

cộng: 89.418.645đ (Tám mươi chín triệu, sáu trăm mười tám ngàn, sáu trăm bốn lăm đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Q và giành quyền kháng cáo.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, ông Vũ Quang K có đơn kháng cáo với nội dung:

Tòa án B tuyên án chưa hợp tình, hợp lý, gia đình vay vốn là hộ nghèo, bà Q không được sử dụng hết số tiền mà bà đã ký.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký Tòa án và các bên đương sự đã tuân thủ thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Quang K, giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND thị xã B (Có văn bản phát biểu kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, đơn kháng cáo của ông Vũ Quang K đại diện cho bị đơn là bà Nguyễn Thị Q nộp trong thời hạn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Q xác nhận nội dung bà ủy quyền cho ông K kháng cáo là đúng.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q thấy rằng:

[3.1] Về nghĩa vụ trả nợ gốc: Trong các ngày 12/5/2009 và 30/6/2009, hộ gia đình bà Q đã ký kết vay 03 khoản tiền của Ngân hàng CSXH Chi nhánh B, mục đích vay để chi phí cho các con của ông bà ăn học và chăn nuôi, với tổng số tiền là 65.200.000đ.

Đối với 02 khoản vay ngày 12/5/2009, tổng số tiền gốc 50.200.000đ để chi phí học tập cho sinh viên Vũ Quốc C và Vũ Thị T đã được gia hạn nhiều lần, hạn trả nợ cuối cùng ngày 16/5/2015. Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH thị xã B đã nhiều lần phối hợp với Chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể đôn đốc, nhắc nhở nhưng gia đình bà Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tại Tòa án, ông bà thừa nhận khoản vay hỗ trợ sinh viên còn nợ gốc 48.400.000đ là đúng.

Đối với khoản vay ngày 30/6/2009, số tiền vay 15.000.000đ, mục đích vay chăn nuôi đã trả 5.000.000đ gốc, còn 10.000.000đ đã quá hạn từ 16/11/2016. Theo đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, bà Q cho rằng khoản vay chăn nuôi bà

chỉ ký không mà không được nhận đủ số tiền 15.000.000đ, tuy nhiên bà Q không có căn cứ gì để chứng minh.

Quá trình giải quyết ông K cũng xác nhận tổng số nợ gốc còn lại hiện nay là 58.400.000đ phù hợp với tài liệu, chứng có trong hồ sơ, đồng ý trả gốc, không đồng ý trả lãi. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông, bà trả số tiền gốc nêu trên là đúng.

[3.2] Về nghĩa vụ trả lãi, căn cứ “Sổ lưu từ rời theo dõi chovay, thu nợ” do Ngân hàng CSXH cung cấp thì khoản vay hỗ trợ sinh viên học tập, bên vay phải trả lãi 0,5%/tháng; vay chăn nuôi lãi suất 0,65%/tháng. Quá trình thực hiện, vào ngày 16/10/2013 bà Q chỉ trả được tiền lãi của món vay 23.800.000đ là 119.000đ; món vay 24.600.000đ trả lãi được 663.000đ và món vay 15.000.000đ trả lãi được 1.870.800đ, tổng lãi đã trả 2.533.119đ, từ đó đến nay không trả thêm được khoản tiền lãi nào. Đến ngày 19/11/2017, bà Q được Ngân hàng khoan nợ không tính lãi suất đối với khoản vay chăn nuôi. Đối với khoản vay cho con ăn học tính đến ngày 06/8/2019 là 31.018.645đ. Ông bà tuy có hoàn cảnh khó khăn, nhưng không có căn cứ ốm đau thường xuyên, bệnh hiểm nghèo hoặc mất năng lực hành vi, các con của ông bà đã ra trường, đi làm nên hộ bà Q không thuộc trường hợp được miễn lãi theo quy định của Chính phủ và theo Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 27/01/2011 của Ngân hàng A.

[4] Từ các phân tích trên, bản án sơ thẩm chấp nhận đơn của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nợ gốc, lãi với tổng số tiền 89.418.645đ là có căn cứ, đúng pháp luật nên các nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Hộ ông K, bà Q có hoàn cảnh khó khăn nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466; 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Không chấp đơn kháng cáo của ông Vũ Quang K đại diện cho bà Nguyễn Thị Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2019 của TAND thị xã B.

Buộc bà Nguyễn Thị Q và ông Vũ Quang K phải trả cho Ngân hàng A số nợ gốc 58.400.000đ và nợ lãi tính đến ngày 06/8/2019 là 31.018.645đ. Tổng cộng: 89.418.645đ (*Tám mươi chín triệu, sáu trăm mười tám ngàn, sáu trăm bốn lăm đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi bên có quyền yêu cầu có đơn yêu cầu và được Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án, nếu ông K, bà Q không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu lãi suất đối với

số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án: Miễn Án phí phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Q.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án../.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- TAND thị xã B;
- VKSND B;
- Chi cục THADS B;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Chinh

